

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ - ST

Ngày 28/5/2025

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Thi

Ông Ma Văn Nhạc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Luận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị B, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Ma Văn L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Dương Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ma Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn ngày 11/01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống với nhau hòa thuận, hạnh

phúc. Thời gian sau này do cuộc sống gia đình nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Văn L.

Về con chung: Chị và anh Ma Văn L có 02 con chung tên là Ma Li N, sinh ngày 11/9/2012 và Ma Tuấn K sinh ngày 03/10/2019, hai con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con chung Ma Li N đang ở với chị tại nhà mẹ đẻ của chị ở thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, còn con chung Ma Tuấn K đang ở cùng với anh L tại thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Dương Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung: Chị Dương Thị B trình bày không có vay nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ma Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn ngày 11/01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2022 chị B không còn quan tâm đến anh, đến gia đình, anh và chị B sống ly thân từ năm 2022 đến nay, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung tên là Ma Li N, sinh ngày 11/9/2012 và Ma Tuấn K sinh ngày 03/10/2019, hai con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Ma Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung: Anh Ma Văn L trình bày không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Dương Thị B vắng mặt, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Ma Văn L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung

- Bị đơn anh Ma Văn L đồng ý ly hôn với chị Dương Thị B, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Dương Thị B, chị Dương Thị B được ly hôn với anh Ma Văn L. Giao con chung Ma Li N, sinh ngày 11/9/2012 cho chị Dương Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Ma Tuấn K sinh ngày 03/10/2019 cho anh Ma Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, chị Dương Thị B và anh Ma Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Dương Thị B có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn tranh chấp nuôi con chung với anh Ma Văn L, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Ma Văn L có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn do vậy việc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị B kết hôn với anh Ma Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2012 tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị Dương Thị B và anh Ma Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng chị B, anh L đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, chị B và anh L không còn quan tâm đến nhau nữa. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị B được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị Dương Thị B và anh Ma Văn L có 02 con chung tên là Ma Li N, sinh ngày 11/9/2012 và Ma Tuấn K sinh ngày 03/10/2019, hai con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay con chung Ma Li N đang ở với chị B tại nhà mẹ đẻ của chị B là bà Hoàng Thị L1 ở thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, còn con chung Ma Tuấn K đang ở cùng với anh L tại thôn B, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn cả chị B và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay hai con chung của chị B, anh L đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, cháu Ma Li N hiện nay

đang ở cùng với chị B và có nguyện vọng được ở cùng với chị B, còn cháu Ma Tuấn K đang ở cùng với anh L, qua xác minh về điều kiện nuôi con Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị B và anh L mỗi người có trách nhiệm nuôi dưỡng một con là bảo đảm quyền và lợi ích tốt nhất cho các con chung của anh, chị. Do vậy cần giao con chung Ma Li N, sinh ngày 11/9/2012 cho chị Dương Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi phù hợp với nguyện vọng của cháu N. Giao con chung Ma Tuấn K sinh ngày 03/10/2019 cho anh Ma Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện nay, chị Dương Thị B và anh Ma Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Dương Thị B và anh Ma Văn L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về vay nợ chung: Chị Dương Thị B và anh Ma Văn L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị B được ly hôn với anh Ma Văn L.
2. Về con chung: Giao con chung Ma Li N, sinh ngày 11/9/2012 cho chị Dương Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Ma Tuấn K sinh ngày 03/10/2019 cho anh Ma Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị B và anh Ma Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Chị Dương Thị B và anh Ma Văn L không yêu cầu giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về vay nợ chung: Chị Dương Thị B và anh Ma Văn L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Dương Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003060 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm ngày 10/12/2024.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- UBND xã Cổ Linh. (01b)
- Các đương sự. (02b)
- Lưu hs; lưu VP

Đã ký

Hà Thanh Tuấn

